

Vài Ý Nghĩa về Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu

Nguyễn Kỳ Phong

Sau khi Việt Nam Cộng Hòa thất thủ, vai trò của cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu như một nguyên thủ lãnh đạo quốc gia được đem ra phê phán. Vài ý kiến cho rằng vì tổng thống Thiệu quá tin vào người Mỹ nên miền Nam rơi vào tay cộng sản. Về vai trò lãnh đạo, một số ý kiến nói tại tổng thống Thiệu độc tài, nắm giữ hết quyền điều binh khiển tướng, chỉ huy quân đội thẳng từ dinh Độc Lập, nên gây ra nhiều sự bất mãn cho các cấp tướng lãnh trong những năm sau cùng của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Hai phê phán về tổng thống Thiệu ở trên có lý do và giá trị để được luận bàn. Dựa vào một số tài liệu của Hoa Kỳ viết về tổng thống Thiệu đã được giải mật trong thời gian qua, bài viết ngắn dưới đây ghi lại một số sự kiện về liên hệ cá nhân của tổng thống Thiệu với người Mỹ; và, về đường lối quản trị quốc gia của tổng thống Thiệu như một nhà lãnh đạo.

Liên Hệ Cá Nhân Với Hoa Kỳ

Tổng Thống Thiệu có quá tin người Mỹ không? Căn cứ vào những hồ sơ được giải mật, tổng thống Thiệu chẳng những không tin người Mỹ, trái lại lúc nào ông cũng nghi ngờ và lo sợ về đường lối của Hoa Kỳ đối với Việt Nam; và đối với ông như người lãnh đạo quốc gia. Từ khi bắt đầu giao thiệp, tổng thống Thiệu đã có thái độ e dè, nếu không nói là bất thiện cảm đối với người Mỹ. Trong một báo cáo tóm lược về cá nhân tổng thống Thiệu do Nha Tình Báo Quốc Phòng (Defense Intelligence Agency/ DIA) viết vào tháng 7-1968, họ nhận xét ông Thiệu là người chống cộng (anti-communist) nhưng đồng thời cũng “chống Mỹ.” Nguyên văn trong báo cáo là, “... Thieu is anti-United States.” Câu đó cũng có thể hiểu là “không thích Hoa Kỳ” hơn là theo nghĩa thông thường “chống Mỹ.” (xem phóng ảnh tài liệu 3-1) Cũng trong báo cáo đó, DIA cho biết thái độ chống Hoa Kỳ của ông Thiệu đã được ghi nhận từ tháng 2-1964, và chính ông Thiệu cũng tự nhận thái độ của ông đối với người Mỹ. Trong báo cáo tháng 7-1968, sau khi nói về thái độ của Tổng Thống Thiệu trước đó (trước báo cáo tháng 7-1968), người báo cáo viết, hiện tại ông Thiệu chú trọng đến sự phối hợp sát cánh đường lối của Hoa Kỳ và Việt Nam, để Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ miền Nam. So với những báo cáo khác, báo cáo của tháng 7-1968 nói tốt, nhưng chỉ nói một cách tổng quát về tổng thống Thiệu. Nhưng qua tất cả những tài liệu phân tích về tâm tính tổng thống Thiệu mà người viết này đã đọc qua, người viết có thể nói Hoa Kỳ không hiểu nhiều về ông Thiệu: phần lớn họ chỉ đoán về ông, dựa vào báo cáo của những cộng sự viên hoặc bạn đồng ngũ trong quá khứ.

Báo cáo đến từ CIA, DIA, và Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, xử dụng nhiều tính từ như khôn vặt, cáo già, mưu mô, cunning, intelligent, shrew, efficient ... để tả cá tính tổng thống Thiệu. Nhưng sau cùng, báo cáo vẫn kết luận họ không đoán được suy nghĩ và hành động của ông Thiệu, hay có thể gây ảnh hưởng với ông như họ đã làm với những thẩm quyền Việt Nam khác. Ngược lại, trong một vài lần mặt đối mặt với nhiều thẩm quyền Hoa Kỳ, tổng thống Thiệu bỏ đi cá tính thông thường của ông — cá tính thông thường là sự dè dặt khi được hỏi ý kiến, và nghe nhiều hơn nói — và đặt nhiều câu hỏi khiến cho người đối diện rất lúng túng. Qua những lần như vậy, giới hữu trách Mỹ thấy ông Thiệu biết nhiều chuyện họ làm nhưng ông làm như không biết. Dựa vào những tài liệu đã trích, chúng ta thấy cố tổng thống Thiệu không hoàn toàn tin vào người Mỹ trong suốt sự nghiệp chính trị của ông. Ông chỉ dựa vào người Mỹ để đạt được những mục đích ông muốn. Và một trong những mục đích ông muốn thấy, là sự trường tồn của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Nếu tổng thống Thiệu có tin vào người Mỹ, thì ông không còn chọn lựa nào hơn là phải tin — và người duy nhất ông phải tin là cố Tổng Thống Richard M. Nixon.

Theo một sử gia của cơ quan CIA viết trong CIA and the Generals: Covert Support to Military Government in South Vietnam, Hoa Kỳ chỉ thật sự tìm hiểu và cố gắng bắt liên lạc với tổng thống Thiệu từ tháng 7-1967, sau khi một số tướng lãnh quan trọng trong Hội Đồng Quân Lực đồng ý cho ông Thiệu ra tranh cử tổng thống và ông Nguyễn Cao Kỳ, phó tổng thống, trong liên danh quân đội duy nhất vào cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên của nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Những báo cáo của DIA, CIA, và của Đại Sứ Ellsworth Bunker gửi về Hoa Thịnh Đốn cho thấy tin tức tình báo Mỹ có thể biết nhiều về ông Kỳ, hay những thẩm quyền VNCH khác, nhưng họ hoàn toàn không biết gì về ông Thiệu — hay ý định của

ông Thiệu trong tương lai xa, gần. Một thí dụ khác về sự hiểu biết của người Mỹ về cá nhân ông Thiệu: Trong buổi thuyết trình cho Tổng Thống John F. Kennedy ngày 28 tháng 8-1963, khi nói về hai phe ủng hộ và chống Tổng Thống Diệm, Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu được ghi nhận là "người Công Giáo, ủng hộ ông Ngô Đình Nhu," và đang có thái độ ủng hộ chánh phủ của Tổng Thống Diệm. Một báo cáo khác đến từ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ (dĩ nhiên tin tức đến từ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn) đề ngày 30 tháng 10-1963 — hai ngày trước khi đảo chánh — trong đó vẫn ghi thái độ của chỉ huy trưởng Sư Đoàn 5 Bộ Binh (Đại Tá Thiệu) "vẫn chưa xác định được." Điều này cho thấy sự kín đáo của ông Thiệu về thái độ đối với mọi người chung quanh. Căn cứ vào sử liệu sau ngày đảo chánh 1 tháng 11-1963, chúng ta biết chắc chắn ông Thiệu đã đòi hỏi, hay được hứa hẹn, khi tình nguyện tham gia đảo chánh. Vì nếu ông Thiệu không đòi hỏi được tước thưởng xứng đáng thì ông đã không tình nguyện dùng đơn vị của ông tấn công các điểm kháng cự ở dinh tổng thống.

Dưới mắt một số người Mỹ, tổng thống Thiệu là một người dè dặt, cẩn thận và kín đáo. Dưới mắt một số người khác thì tổng thống Thiệu có tánh bài ngoại (xenophobia); và sự ngờ vực về người Mỹ đã làm cho ông luôn luôn lo sợ một cách vô lý (paranoia) (những từ xenophobia, paranoia là nguyên văn trong bản báo cáo). Sự nghi ngờ của tổng thống Thiệu về đường lối và chủ đích của Hoa Kỳ ở Việt Nam không phải không có lý do. Từ sau cuộc đảo chánh Tổng Thống Diệm 1963 cho đến khi ông Thiệu trở thành tổng thống, ông Thiệu chứng kiến nhiều kế hoạch bí mật mà người Mỹ đã sử dụng để khuynh đảo nội tình Việt Nam. Những kế hoạch "kín" của CIA nói riêng, và của đường lối của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ nói chung, không nhất thiết phù hợp với đường lối của chánh phủ VNCH. Trong cương vị Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, từ năm 1967 tổng thống Thiệu đã chứng kiến áp lực của Hoa Kỳ khi họ quyết định "xé lẻ" và liên lạc riêng với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN). Với lý do là họ muốn xâm nhập nhân sự bên trong cơ cấu MTGPMN, người Mỹ yêu cầu thẩm quyền VNCH thả một số nhân sự quan trọng của MTGPMN mà VNCH đang cầm tù. Thẩm quyền Hoa Kỳ lần lược làm áp lực với tướng Nguyễn Ngọc Loan, tướng Kỳ, và tướng Thiệu cho đến khi chánh phủ VNCH thoả mãn một phần đề nghị của họ.

Sau khi Đại Tướng Nguyễn Khánh bị lưu đày ra khỏi nước vào tháng 2-1965, Hoa Thịnh Đốn và phần lớn các thẩm quyền Mỹ ở Việt Nam đều ủng hộ Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ như một nhà lãnh đạo thay thế tướng Nguyễn Khánh. Nhưng người Mỹ bị ngỡ ngàng và bối rối sau khi Hội Đồng Quân Lực chấp thuận liên danh tổng thống-phó tổng thống, Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ trong năm bầu cử 1967. Biến cố này làm người Mỹ sửng sốt vì khi nhóm ông Kỳ đồng ý để cho ông Thiệu làm tổng thống là chuyện không thể xảy ra — hay ít ra là người Mỹ đã không tiên đoán được điều đó. (Xem phóng ảnh 4-1. Ý kiến của tướng Loan khi ông Kỳ chịu đứng vai phó tổng thống là, ông Kỳ đã điên nên mới làm như vậy.). Sau khi ông Thiệu trở thành tổng thống, người Mỹ dồn mọi liên lạc, xâm nhập, để tìm hiểu thêm về ông Thiệu. Nhưng tài liệu của CIA tự thú là họ thất bại. Khi không tìm được liên lạc để biết thêm về cá tính và đường lối suy nghĩ của tổng thống Thiệu, CIA không còn cách nào khác hơn là phải sử dụng phương tiện bắt chánh: nghe lén và thu thập tin tức bằng phương tiện điện tử. Đúng như vậy, trong tài liệu giải mật mới nhất, CIA thú nhận trên giấy trắng mực đen là họ đã dùng phương tiện nghe lén để tìm hiểu, tiên đoán về ý định của tổng thống Thiệu.

Từ giữa năm 1968 trở đi, CIA sử dụng phương tiện nghe lén nhiều hơn khi tổng thống Thiệu hoàn toàn củng cố thế lực và thay đổi hầu hết phe phái của ông Kỳ trong quân đội. Trước đó, tài liệu CIA cho biết họ thu thập tin tức về nhân sự và đường lối của VNCH qua một số cộng sự viên và tướng lãnh chung quanh ông Kỳ. Nhưng từ tháng 6-1968 trở đi, sau khi một số sĩ quan thân cận với tướng Kỳ bị tử thương trong vụ bắn lầm ở Chợ Lớn; và khi ông Kỳ bị gởi qua Paris vào đầu năm 1969 để làm quan sát viên chánh phủ trong cuộc hòa đàm, CIA mất đi tất cả những liên lạc họ đang có để thu thập tin tức về VNCH. Không xâm nhập và gây ảnh hưởng được thẳng với ông Thiệu, CIA quay sang gây ảnh hưởng với hai cộng sự viên tin cẩn nhất của tổng thống Thiệu: Trung Tướng Đặng Văn Quang và Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm. CIA cho biết, đôi khi thẩm quyền Mỹ không thuyết phục được tổng thống Thiệu, nhưng khi họ dùng ông Khiêm và tướng Quang "chuyên lời" thuyết phục, thì tổng thống Thiệu lại nghe theo. "Dùng liên lạc từ tướng Quang để gây ảnh hưởng với tổng thống Thiệu là phương thức hiệu quả nhất," tài liệu CIA nhận xét như vậy.

tổng thống Thiệu biết CIA thâm âm và nghe lén bên trong Dinh Độc Lập. Ông cũng biết một số nhân viên chung quanh ông làm liên lạc viên cho CIA. Nhưng ông yên lặng, làm như không quan tâm. Trong thực tế, ông lợi dụng những phương tiện đó để “chuyển lời” lại với thẩm quyền Mỹ ý nghĩ thật của ông — và đôi khi ý nghĩ giả dối để đánh lừa người Mỹ. CIA đi đến kết luận này vì qua nhiều trường hợp, ông Thiệu đã không giữ được sự tức giận và nói thẳng với thẩm quyền Mỹ những gì ông biết về hoạt động sau lưng của họ. Ông đã nói thẳng với CIA là chẳng những họ đã dung túng, chứa chấp Thượng Tọa Thích Trí Quang trong khuôn viên tòa đại sứ, họ còn cung cấp ngân khoản tài chánh, để cho thượng tọa huấn luyện thêm tín đồ đối lập với chánh phủ VNCH. Và sau hai lần bị áp lực thả tù nhân cao cấp của MTGPMN, ông Thiệu chưa chút nói với người Mỹ, “Đất nước này [VNCH] không tiến lên được, vì một đằng là sự xâm nhập của cộng sản Bắc Việt; đằng kia là sự xâm nhập của CIA vào cơ cấu chánh phủ [VNCH].” Về sự liên lạc bí mật của Mỹ với MTGPMN, ông Thiệu nói, “không chừng tòa đại sứ đang chứa chấp Việt Cộng mà tôi cũng không biết.” Thẩm quyền CIA rất lo ngại về những quan sát “quá đúng” của tổng thống Thiệu. CIA lo ngại đến độ Trưởng Vụ Viễn Đông của CIA, William E. Nelson, phải viết một báo cáo cho Giám Đốc CIA, Richard Helms, khuyến cáo nhân viên của cơ quan nên cẩn thận với tổng thống Thiệu. Vì một mai nếu có chuyện bất hòa giữa Hoa Kỳ và VNCH xảy ra — hay giữa tổng thống Thiệu và CIA — tổng thống Thiệu có thể tiết lộ tất cả chuyện làm của CIA cho công luận biết.

Năm 1968 và 1969 là hai năm mà tổng thống Thiệu và CIA/chánh phủ Mỹ có nhiều va chạm. Chánh phủ Lyndon Johnson rất bực tức khi biết tổng thống Thiệu đang ngấm ngấm ủng hộ ứng cử viên Richard Nixon qua trung gian bà Anna Chennault. Ngược lại, cũng từ affair đó, tổng thống Thiệu được Đại Sứ Bùi Diễm thông báo là Hoa Kỳ đã nghe lén hầu hết những đối thoại giữa các thẩm quyền VNCH, ở trong cũng như ngoài nước. Tài liệu CIA cũng cho biết trong hơn hai tháng cuối năm 1968 đầu năm 1969, tổng thống Thiệu tự cắt đứt liên lạc với thẩm quyền Hoa Kỳ vì những lý do kể trên.

Năm 1969 liên hệ bất thân thiện giữa CIA và tổng thống Thiệu gia tăng khi tổng thống Thiệu ra lệnh truy tố Dân Biểu Trần Ngọc Châu ra tòa về tội liên lạc với cộng sản. Ông Trần Ngọc Châu không xa lạ gì với CIA Mỹ trong những năm 1965-67. Ông được sự cảm phục của CIA cho đến khi họ bị tổng thống Thiệu trói tay. Khi còn là Tỉnh Trưởng Kiến Hòa, ông Châu là người phát họa ra kế hoạch Hệ Thống Khiếu Nại Xã Ấp (Hamlet Census-Grievance System) để áp dụng song song với Chương Trình Xây Dựng Nông Thôn. Hệ thống khiếu nại xã ấp cho phép người dân vừa thông báo với chánh quyền về những cán bộ Việt Cộng thu thuế địa phương, đồng thời người dân cũng có thể khai báo cho thẩm quyền về những hành vi lạm dụng, lạm quyền của viên chức chánh phủ xã ấp. Kiến Hòa cũng là nơi đầu tiên ông Châu cho phép CIA thành lập các toán tình báo-bán quân sự Thám Sát Tỉnh (Provincial Reconnaissance Unit), để triệt tiêu hạ tầng cơ sở địch. Sau Kiến Hòa, ông Châu được đưa lên làm Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn Vũng Tàu. Nhưng vì không hợp và không thành công trong chức vụ này, ông Châu xin giải ngũ, rồi ứng cử dân biểu. Trong thời gian làm dân biểu, ông Châu liên lạc với CIA xin ngân quỹ để thành lập một lực lượng chánh trị (mục tiêu chánh trị của ông Châu là sẵn sàng đối thoại với thành phần không cộng sản của MTGPMN). Trong thời gian vận động, ông Châu có những tuyên bố ám chỉ ông được sự ủng hộ của CIA. ... Nghe những tuyên bố của ông Châu, với những bất thiện cảm về CIA, tổng thống Thiệu quyết định “thầu cạy” ông Trần Ngọc Châu. tổng thống Thiệu hỏi thẳng Trưởng Sở CIA Sài Gòn, Ted Shackley, là ông Châu có đang làm việc cho CIA hay không; và nếu chánh phủ bắt ông Châu về tội liên lạc với cộng sản, thì CIA có “vấn đề” gì không. Không thể giữ ông Châu và để mất lòng tổng thống Thiệu, Ted Shackley trả lời tổng thống Thiệu có toàn quyền đối xử với ông Châu.

Cũng trong năm 1969, CIA được dịp “trả miếng” lại tổng thống Thiệu qua vụ Huỳnh Văn Trọng và Vũ Ngọc Nhạ. Cuối năm năm 1968 đầu năm 1969, CIA khám phá một hệ thống tình báo cộng sản đang hoạt động ở Sài Gòn. Từ đó họ phăng ra hai ông Trọng và Nhạ đang liên lạc và cung cấp tin tức cho cộng sản. Trưởng Sở CIA Ted Shackley thông báo cho tổng thống Thiệu sẽ bắt giữ trọn ổ. Trong sự bàng hoàng, tổng thống Thiệu yêu cầu CIA bắt giữ và giải quyết chuyện đó một cách kín đáo — vì nếu làm lớn chuyện, ông sẽ mắc cỡ với dân chúng là đã “nuôi ông tay áo” ngay tại trong Dinh Tổng Thống. Nhưng CIA không đồng đồng ý. Họ nói phải hành động theo ý họ và bắt trọn ổ, rồi đến đâu hay đến đó. Kế quả như chúng ta đã thấy, hơn 42 người liên hệ trong ổ gián điệp bị kết tội trước Tòa Án Quân Sự.

Dù với tất cả sự nghi ngờ và lo sợ về thái độ của người Mỹ, tổng thống Thiệu vẫn phải nhờ vào sự ủng hộ của người Mỹ để củng cố quyền lực và đạt được những mục tiêu mà ông muốn thấy. Đầu năm 1968, trong cao điểm cuộc tấn công Tết Mậu Thân của Bắc Việt, uy thế và tín nhiệm của tổng thống Thiệu xuống mức thấp nhất. Trong thời gian ông cần sự giúp đỡ của Hoa Kỳ — vừa chống cộng, vừa chống thế lực của ông phó tổng thống. Được dịp đối thoại với tổng thống Thiệu, CIA đã tài trợ một ngân khoản khá lớn (khoảng 100 ngàn mỹ kim một tháng, trong thời gian 18 tháng) để ông tổng thống Thiệu mua chuộc các đảng phái đối lập, và gây ảnh hưởng chính trị ở Quốc Hội.

Từ năm 1970 trở đi, báo cáo về tổng thống Thiệu chứa đựng nhiều dự đoán lạc quan với nhiều tính từ tốt đẹp. Nhưng kinh nghiệm cho chúng ta thấy, người Mỹ chỉ làm bạn khi họ cần người bạn. Nếu sự thực tế đòi hỏi phải bỏ người “bạn,” phải thay đổi, thì họ phải quyết định theo tinh thần “pragmatism” của người Mỹ. Trong hai tháng cuối cùng năm 1972, tổng thống Thiệu, sau khi nói thẳng vào mặt Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Henry Kissinger, là “Tại sao tôi phải tin ông?” Và, “Một tên Việt Cộng giao liên địa phương còn biết nhiều về những chi tiết thương lượng ở Ba Lê hơn tôi,” thì Hoa Kỳ đã quyết định kết thúc liên hệ của họ ở Việt Nam. Ông Thiệu tin vào những lời hứa cá nhân của Tổng Thống Richard Nixon khi ký Hiệp Định Ba Lê, không phải vì ông tin vị tổng thống Hoa Kỳ: Ông tin vì phải tin; vì không còn chọn lựa nào khác. Ông bị hăm dọa để tin vào người Mỹ. Đi kèm với những lá thư vừa khẩn khoản vừa hứa hẹn của Tổng Thống Nixon, là những áp lực rất khéo léo của Hoa Kỳ nhắm vào những “liên lạc” chung quanh tổng thống Thiệu. Những nhân sự thân cận của tổng thống Thiệu “được” cho đọc những báo cáo, tường trình, rất bí quan của Hoa Kỳ về tình hình quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ đối với VNCH trong tương lai gần.

Rồi từ những liên lạc chung quanh tổng thống Thiệu, Hoa Kỳ gia tăng áp lực hăm dọa. Với lời nói chuyện “cạn tàu ráo máng” của Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Henry Kissinger, dĩ nhiên tổng thống Thiệu phải lo sợ và bối rối: lo sợ vì Hoa Kỳ có thể làm thật với những hăm dọa; bối rối vì VNCH không có nhiều thời giờ để xoay sở. Nhưng tổng thống Thiệu vẫn giữ thái độ cứng rắn với Kissinger cho đến độ Kissinger thề sẽ không bao giờ trở lại Sài Gòn để nói chuyện nữa. Và VNCH — qua đại diện của tổng thống Thiệu — cứng rắn với Hoa Kỳ cho đến khi không còn giải pháp nào khác. Nhân chứng và tài liệu cho biết, tổng thống Thiệu đã đôi lần bật khóc trong lúc nói chuyện với Kissinger hay Đại Sứ Bunker khi không giữ được sự tức giận — vì biết không thể làm gì được. Những lá thư riêng ông viết cho Tổng Thống Nixon là một bằng chứng cho thấy ông chỉ mong muốn Nixon giữ đúng lời hứa. Nhưng với nền luật pháp chắc chắn của Hoa Kỳ, lời hứa riêng của một tổng thống không có giá trị gì.

Nhưng sự đau đớn và vô lý nhất — một vô lý không tưởng được — là sau một thời gian đôi bên cãi cọ, hăm dọa, nguyên rủa nhau và VNCH bị ép buộc phải ký hiệp ước chung với Hoa Kỳ. ... Hiệp Định Ba Lê 1973 vẫn không được chánh phủ Hoa Kỳ đưa ra Quốc Hội để phê chuẩn. Theo Hiến Pháp Mỹ, tổng thống có quyền ký bất cứ hiệp ước nào với bất cứ quốc gia nào. Nhưng hiệp ước chỉ giá trị như một trách nhiệm giữa Hoa Kỳ và quốc gia đối tượng; và của Hoa Kỳ đối với hiệp ước được ký. Trách nhiệm đưa hiệp ước ra Quốc Hội để được phê chuẩn là trách nhiệm của Hành Pháp (e.g.: Tổng Thống). Nhưng sử liệu cho thấy Tổng Thống Nixon đã không nhiệt tâm hay muốn cho Quốc Hội Hoa Kỳ thấy nội dung và những chi tiết của bản Hiệp Định Ba Lê 1973. Sau này khi VNCH thất thủ, Quốc Hội nói họ không có trách nhiệm vì họ không biết gì về nội dung bản hiệp ước. Về phía Hành Pháp, ông tân Tổng Thống Gerald Ford thì lại càng có lý do hơn, khi nói ông hoàn toàn không biết gì về những hứa hẹn giữa chánh phủ trước (chánh phủ Nixon) và VNCH. Trong khi đó, những giới chức đã phục vụ và liên lạc với chánh phủ tổng thống Thiệu ở Sài Gòn thì chỉ biết ... chửi đổng về chánh phủ mình. Nhưng tất cả những đổ thừa không còn thành vấn đề nữa: VNCH đã thất thủ. Kissinger và Nixon đã cố gắng giữ kín và bưng bít những chi tiết thương lượng với Hà Nội. Tài liệu giải mật của CIA cho thấy Kissinger gần như là độc tôn trong quyền hạn đại diện cho Nixon trong những thương lượng với VNCH và Bắc Việt. Tháng 8-1972, trước mặt Đại Sứ Bunker, Kissinger ra lệnh cho Trưởng Sở CIA Sài Gòn, Thomas Pogar, không được tiết lộ về CIA Lang Ley những chi tiết về cuộc thương nghị mà CIA Sài Gòn biết được qua liên lạc họ có bên trong nhân sự MTGPMN. Câu nói của tổng thống Thiệu “Một tên Việt Cộng giao liên địa phương còn biết nhiều về những chi tiết thương lượng ở Ba Lê hơn tôi,” có thể áp dụng luôn với các thẩm quyền Mỹ trong trường hợp này.

tổng thống Thiệu không tin người Mỹ — hay cá nhân Tổng Thống Nixon — nhưng phải đi theo kế hoạch sau cùng với họ vì ông không còn chọn lựa nào thích nghi hơn. Những thẩm quyền như Đại Tướng Abrams; Trưởng Sở CIA Sài Gòn Polgar; Đại Sứ Bunker ... đều kết luận Hoa Kỳ đã phản bội VNCH. Nhưng những nhân vật này phải thú nhận, chính họ cũng không tiên đoán được những gì đã xảy ra. Dưới mắt một sử gia hiện đại — đồng thời là cựu nhân viên CIA cao cấp — tổng thống Thiệu đáng được ca ngợi khi ông đã làm tất cả những gì ông có thể làm được trong giai đoạn đó, trong hoàn cảnh đó.

Liên Hệ Với Các Tướng Lãnh VNCH

Một số tác giả Mỹ và Việt dùng tính từ “khôn vặt” cho tổng thống Thiệu. Khảo sát cuộc đời tổng thống Thiệu, người viết không nghĩ tổng thống Thiệu chỉ khôn vặt. Sự khôn ngoan của tổng thống Thiệu cao hơn khôn vặt nhiều. Chỉ bảy năm sau ngày ra trường (1949-1956) ông đã trở thành chỉ huy trưởng một trường đào tạo sĩ quan (Võ Bị Liên Quân Đà Lạt). Với không hơn 18 năm quân vụ (tính đến ngày ông trở thành tổng thống), và tổng cộng 15 tháng thụ huấn quân sự (tổng cộng thời gian ở Võ Bị Huế; trường Coetquidan, Pháp; Tham Mưu Chỉ Huy, Hà Nội ...), tổng thống Thiệu phải là một người khôn hơn “khôn vặt” khi ông loại trừ những đối thủ chính trị và quân sự, để nắm quyền lãnh đạo quốc gia. Nhìn qua sự nghiệp chính trị của cố tổng thống Thiệu, chúng ta thấy tổng thống Thiệu có những đức tính cần thiết để “biết” mà sống.

Ít tuyên bố ngoài công cộng và kín đáo với những ý nghĩ hay kế hoạch, tổng thống Thiệu có được tánh tốt cần thiết cho những quân nhân làm chánh trị trong bốn năm xáo trộn 1964-1967. Từ năm 1964 — sau khi tướng Nguyễn Khánh “chỉnh lý” và chiếm quyền từ tướng Dương Văn Minh — cho đến tháng 7-1967, ông Thiệu chứng tỏ được sự khôn ngoan so với các tướng lãnh trên và dưới. Trong khi hầu hết các tướng lãnh đàn anh hoặc bị giải nhiệm, lưu đày, hay giam lỏng, ông Thiệu dần dần lấy được sự tín nhiệm của đa số quân nhân qua sự kiên nhẫn và mềm mỏng khi giao thiệp. Nếu ông Thiệu đã xử dụng những mảnh khoé về ngoại giao và chính trị để trở thành tổng thống vào tháng 10-1967, thì những mảnh khoé đó phải hiệu nghiệm cho sự sống còn của giới tướng lãnh chính trị trong bốn năm xáo trộn 1964-67. Không nhiều thì ít, chắc chắn tướng Thiệu phải có ý kiến về số tướng lãnh bị lưu đày hay bị giải ngũ — và tất cả các vị tướng đó đều thâm niên hơn ông về cấp bậc (lên cấp tướng trước, sau). Vị tướng cuối cùng, Nguyễn Hữu Có, thâm niên cấp bậc cùng ngày với ông Thiệu (lên thiếu tướng ngày 2 tháng 11-1963), trong một chuyến công du ở Đài Loan năm 1967, bị bỏ lại và sau đó cấm trở về nước (đến tháng 1-1970 được chính tổng thống Thiệu cho phép hồi hương).

Cuộc bầu cử năm 1967 là một thí dụ về sự ngôn ngoan của ông Thiệu. Trong cuộc bầu cử đầu tiên của nền Đệ Nhị Cộng Hòa, tháng 10-1967, cả hai ông Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (Thiệu) và Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (Kỳ) đều muốn ứng cử tổng thống không ai chịu ứng cử như phó tổng thống. Cả quyết liệt đến độ tuyên bố sẽ tách ra đứng riêng liên danh tổng thống. Nhưng Hội Đồng Tướng Lãnh không muốn thấy sự chia rẽ giữa hai người lãnh đạo quân đội. Và nếu ứng cử riêng liên danh, chưa chắc họ thắng được những liên danh dân sự. Đầu tháng 7-1967, sau hơn 48 tiếng đồng hồ nghị luận giữa các tướng lãnh trong Hội Đồng Quân Lực, hội đồng đề nghị hai người sẽ đứng chung liên danh: ông Thiệu, ứng cử tổng thống; ông Kỳ, phó tổng thống. Nhưng để đền bù lại, ông Kỳ sẽ có toàn quyền bổ nhiệm Thủ Tướng và các Tổng Bộ Trưởng của nội các; cũng như các tư lệnh quân sự trọng yếu. Ông Thiệu đồng ý và ký tờ cam kết với các tướng lãnh. Dưới mắt mọi người qua, với những điều kiện đó, ông Thiệu sẽ trở thành một tổng thống bù nhìn không thực lực. Nhưng nếu nhìn xa hơn, chúng ta thấy sự khôn ngoan của ông Thiệu: Chiếu theo Hiến Pháp, tổng thống lúc nào cũng có toàn quyền; hứa với nhau bằng miệng hay ký giấy cam kết không thay đổi được quy định của hiến pháp. Hơn nữa, với tánh tình rất bốc đồng, trong tương lai ông Kỳ sẽ mất đi nhiều đồng minh trong quân đội. Với suy luận đó, ông Thiệu tạm thời chịu “nhường,” và kiên nhẫn chờ thế lực của phía ông Kỳ suy tàn.

Triệt tiêu được thế lực của ông Kỳ, nhưng từ năm 1969 trở đi, tổng thống Thiệu vấp phải một lỗi lầm về liên hệ trong hệ thống quân giai, về chiến lược và chiến thuật, khiến các sĩ quan tướng lãnh không còn kính trọng ông như là một thủ lãnh. Để củng cố thế lực, năm 1968 tổng thống Thiệu triệu hồi Đại Tướng Trần Thiện Khiêm về nước, bổ nhiệm làm phó thủ tướng kiêm tổng trưởng nội vụ, rồi thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng sau khi Thủ Tướng Trần Văn Hương từ chức. Cùng năm, ông đưa tướng Đỗ Cao Trí về làm Tư Lệnh Vùng III. Tháng 7-1970 ông ban hành một sắc lệnh, thay đổi cơ cấu quân sự

trong tương quan giữa Bộ Tổng Tham Mưu và Quân Đoàn/Quân Khu. Nói một cách khác, đến cuối năm 1970, các tướng lĩnh đã “vào hàng” theo lệnh tổng thống Thiệu. Nhưng để bảo vệ quyền lực và phòng hờ những biến động có thể xảy ra, tổng thống Thiệu tập trung quyền lực trong tay — về hành chính cũng như về quân sự — hành động này đã gây những phần nợ ngầm ngấm trong giới quân đội. Sự lo sợ đảo chánh khiến cho tổng thống Thiệu giữ lại một số tướng lĩnh lẽ ra ông phải cho họ giải ngũ từ lâu. Cũng vì sợ đảo chánh, ông có những liên hệ với một số tướng lĩnh mà qua sự quan sát bên ngoài, không hợp với quân phong, quân kỷ. Rất nhiều thí dụ cho thấy tổng thống Thiệu bất cần hệ thống quân giai và chỉ huy quân đội thẳng từ Dinh Độc Lập: Trong cao điểm của cuộc hành quân Lam Sơn 719, Trung Tướng Lâm xin được từ chức vì ông không đủ quyền lực và sự ủng hộ của tổng thống Thiệu để ra lệnh cho hai tướng Dư Quốc Đống và Lê Nguyên Khang. Cũng trong buổi họp đó, tướng Viên một lần nữa xin từ chức. Nhưng tổng thống Thiệu không hành động. Không phải tổng thống Thiệu có “vấn đề” khi cho hai vị tướng này giải ngũ; nhưng ông thấy khó tìm những sĩ quan khác trung thành với ông, để thay vào chỗ của hai vị tướng này. Một thí dụ khác là khi ông ra quân lệnh bắt giữ Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai trong khi Quảng Trị thất thủ tháng 5-1972. Thay vì chỉ cần “đề nghị” với Tổng Tham Mưu Trưởng, hay Tư Lệnh Vùng truy tố tướng Giai theo đúng tinh thần của hệ thống quân giai, ông Thiệu đích thân ra quân lệnh từ Phủ Tổng Thống (xem phóng ảnh 5-1). Lối xử dụng quyền hạn như vậy gây nhiều bất mãn trong quân đội — một tổ chức chỉ trường tồn trong hệ thống quân giai nghiêm ngặt.

Trong hai năm sau cùng của VNCH, quyền chỉ huy quân đội càng lúc càng bị thu gọn vào Dinh Độc Lập. Quân đội VNCH bị thất thế trước lối chống cộng mãnh liệt và quyết tâm của tổng thống Thiệu: ông khẳng khái đòi hỏi quân đội — một quân đội càng ngày càng yếu vì thiếu viện trợ — phải triệt để bảo vệ Chủ Trương Bốn Không mà ông đã đề ra vài năm trước. Một không trong bốn không này là “không nhượng đất” cho cộng sản. Nhưng với số quân viện càng ngày càng ít hơn, khả năng cơ động của quân lực không còn nữa. Phí tổn để bảo vệ những tiền đồn ở xa trở nên quá tốn kém. Nhưng tổng thống Thiệu vẫn quyết liệt với chủ trương không nhượng đất — dù những phần đất không có một lợi ích gì về chiến thuật hay chiến lược. Khi VNCH mất Phước Long vào cuối năm 1974, tổng thống Thiệu có thay đổi đôi chút chủ trương không nhượng đất của ông. Nhưng đến lúc đó thì quá trễ. Tháng 3-1975, sau khi CSVN chiếm Ban Mê Thuột, chỉ trong ba tuần tổng thống Thiệu đơn thân quyết định một số kế hoạch quân sự chiến lược vô cùng tai hại, để đưa đến sự thất thủ hoàn toàn của VNCH hơn một tháng sau. Sau khi Đà Nẵng thất thủ vào cuối tháng 3, và ngay ngày ba sư đoàn CSBV đánh vào Xuân Lộc, Đại Tướng Viên có làm một phiếu đề trình lên tổng thống Thiệu, xin phép thành lập một Quân Đoàn Dã Chiến, với thẩm quyền điều khiển hai quân chủng Không Quân và Hải Quân. Người viết không tìm được sử liệu cho biết phản ứng của tổng thống Thiệu về phiếu đề trình của tướng Viên. Nhưng đến ngày 12 tháng 4 mà tướng Viên mới đề nghị như vậy thì quá trễ. Điều này cho chúng ta thấy: (a) Bộ Tổng Tham Mưu VNCH không có thẩm quyền như danh xưng, và (b) tổng thống Thiệu thật sự điều khiển Quân Lực VNCH thẳng từ quyền lực tổng thống, bất chấp hệ thống quân giai. Một trong hai — hay cả hai — sự kiện đó có thể là những yếu tố đưa đến sự thất thủ của VNCH.